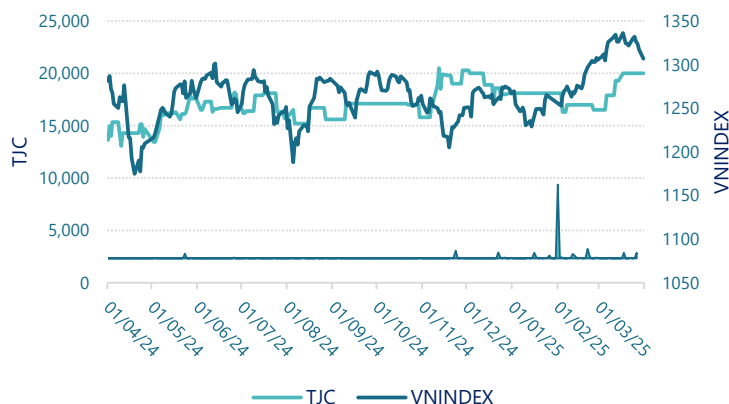


CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	20,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,069
SL cổ phiếu LH	8,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	172
P/E	60.4
EPS	331

DT thuần

Q1/25

0.94

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.05 | 5.3%

YoY: ▼ 0.03 | -3.4%

LN sau thuế

Q1/25

0.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.22 | 32.5%

YoY: ▲ 0.69 | 329%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

80.8%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

2024

3.34

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 62.1 | -94.9%

LN sau thuế

2024

2.15

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 37.9 | -94.6%

ROE

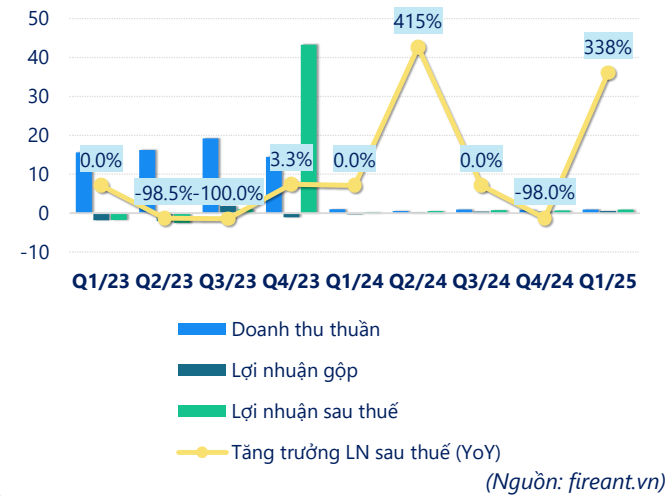
2024

1.2%

+/- YoY: ▼ 22.8%

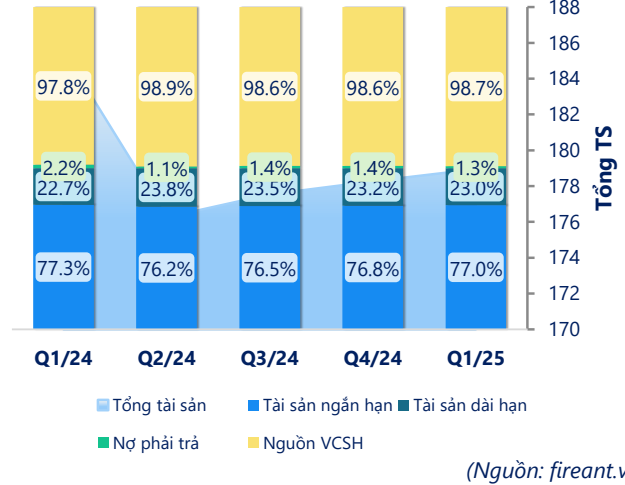
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

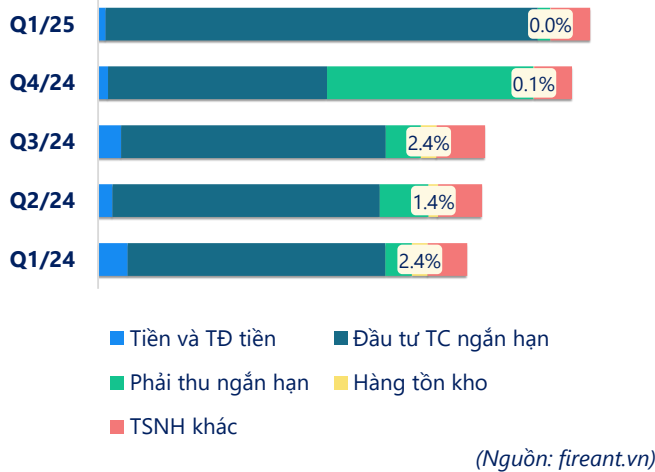


Cơ cấu Tổng tài sản

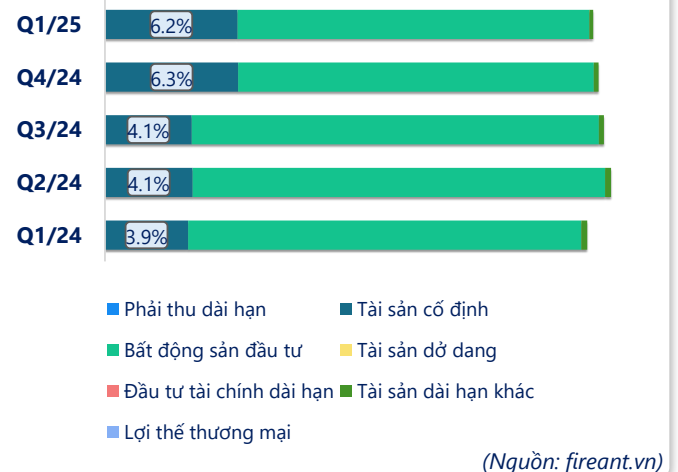
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

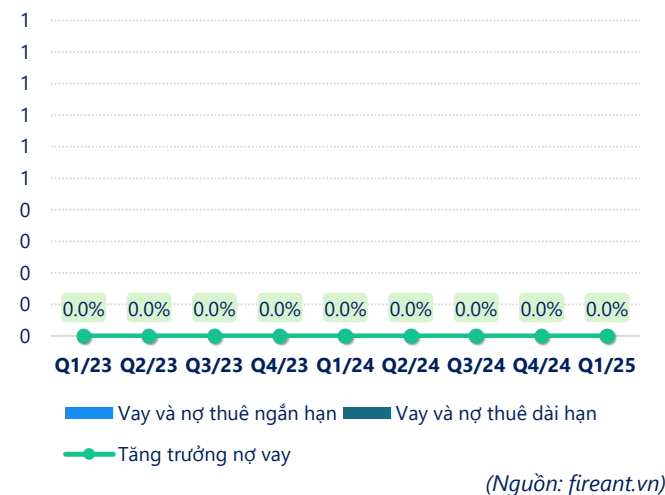


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



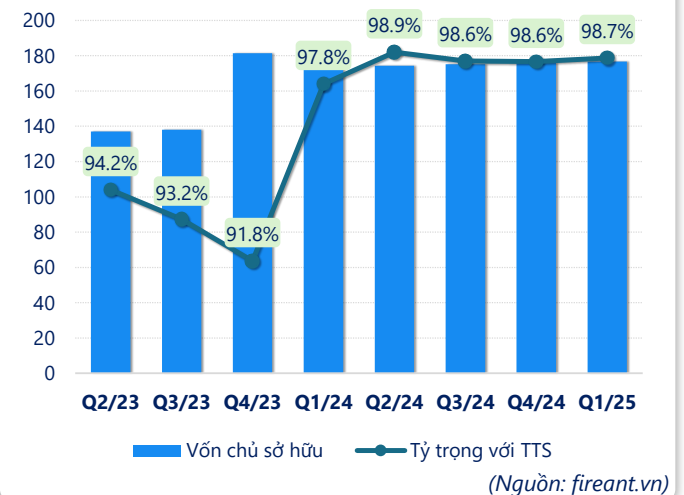
tỷ VNĐ

Nợ vay

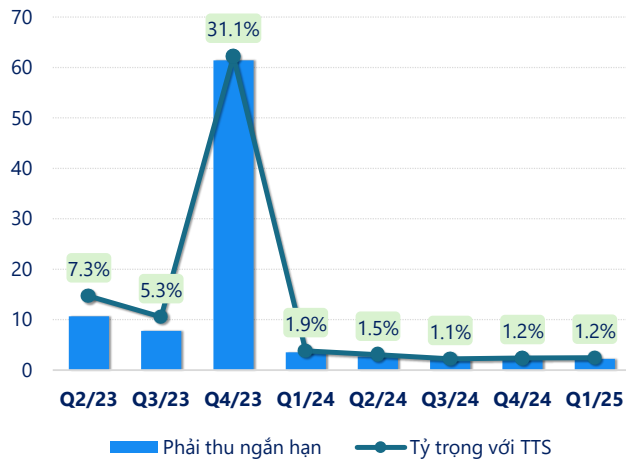


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

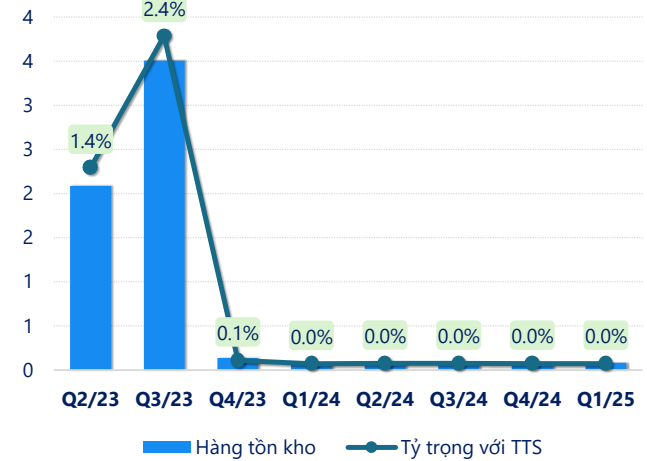


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


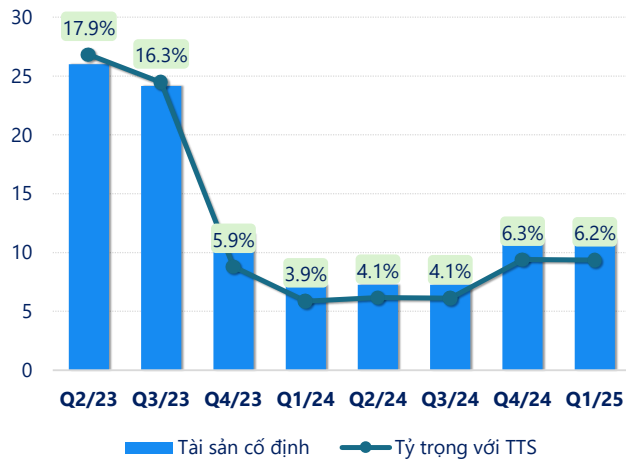
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


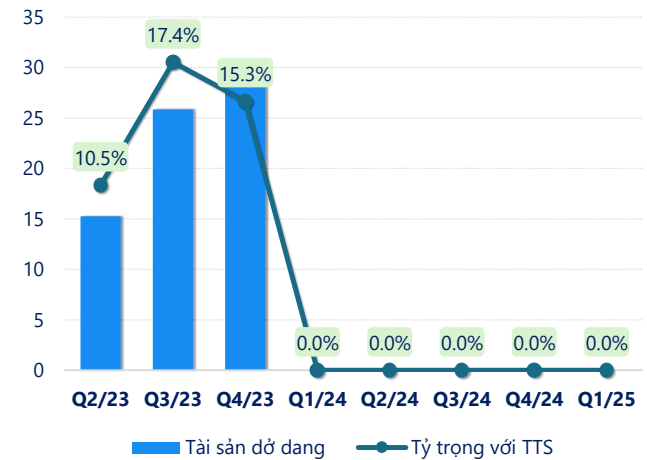
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

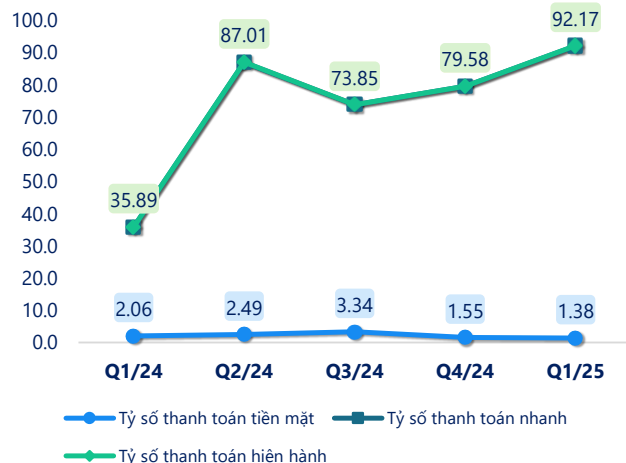
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

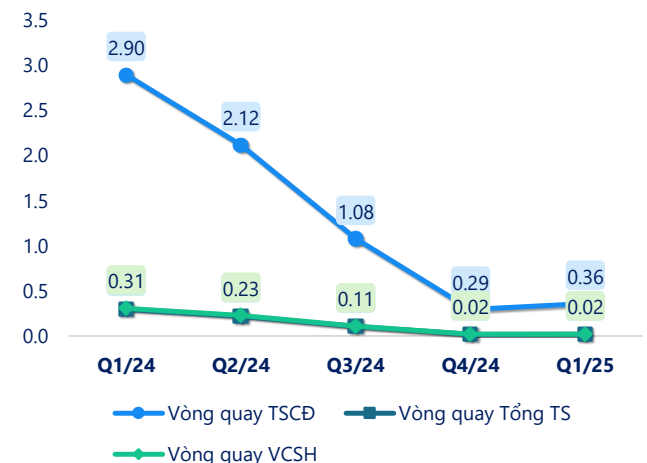
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	186	176	178	178	179
Tài sản ngắn hạn	143	134	136	137	138
Tiền và tương đương tiền	8.24	3.84	6.14	2.66	2.07
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	117	117	121	123
Phải thu ngắn hạn	3.52	2.71	1.99	2.16	2.22
Hàng tồn kho	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	11.0	10.9	10.8	10.7
Tài sản dài hạn	42.1	41.9	41.7	41.4	41.1
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	7.26	7.26	7.26	11.2	11.2
Bất động sản đầu tư	34.3	34.2	34.0	29.8	29.6
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.52	0.48	0.43	0.39	0.34
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	4.00	1.90	2.45	2.50	2.28
Nợ ngắn hạn	4.00	1.54	1.84	1.72	1.50
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	3.16	0.65	0.51	0.52	0.51
Nợ dài hạn	0	0.36	0.61	0.78	0.78
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	182	174	175	176	177
Vốn chủ sở hữu	182	174	175	176	177
Vốn điều lệ	86.0	86.0	86.0	86.0	86.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)